

Số: 25 /NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về cho ý kiến dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 3);
Xét Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết cho ý kiến dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 629/BC-BKTNS ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 như sau:

1. Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024 dự kiến là 16.571.194 triệu đồng, gồm:

a) Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương dự kiến là 11.780.246 triệu đồng, gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung là 4.970.246 triệu đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 1.810.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất là 2.500.000 triệu đồng.
- Nguồn khai thác đầu giá đất là 2.000.000 triệu đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương là 500.000 triệu đồng (để thực hiện đề án trái phiếu chính quyền địa phương).

b) Nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương là 4.790.948 triệu đồng, gồm:

- Nguồn vốn trung ương đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác là 4.152.623 triệu đồng.
- Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương là 638.325 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, I.1 và I.2 kèm theo).

2. Dự kiến danh mục và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024:

a) Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác:

- Lĩnh vực giao thông (05 dự án) gồm:

+ Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành dự kiến kế hoạch năm 2024 là 1.543.623 triệu đồng (phần vốn kiến nghị bố trí năm 2024 là phần vốn bị hủy dự toán thuộc kế hoạch năm 2021; chưa bao gồm phần vốn kéo dài của kế hoạch năm 2020 bị hủy dự toán là 966.749 triệu đồng trong tổng nhu cầu vốn của dự án để hoàn thành trong năm 2024 là 2.510.372 triệu đồng).

+ Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh dự kiến kế hoạch năm 2024 là 350.000 triệu đồng.

+ Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai dự kiến kế hoạch năm 2024 là 691.000 triệu đồng.

+ Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 dự kiến kế hoạch năm 2024 là 1.068.000 triệu đồng.

+ Dự án Đường liên cảng huyện Nhơn Trạch (giai đoạn 1) dự kiến kế hoạch năm 2024 là 500.000 triệu đồng.

b) Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương theo tiêu chí, định mức:

- Lĩnh vực giao thông (03 dự án) gồm:

+ Dự án xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hoà - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu) (dự án nhóm A), dự kiến kế hoạch năm 2024 là 225.000 triệu đồng.

+ Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hoà (từ cầu Hoá An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu) (dự án nhóm B), dự kiến kế hoạch năm 2024 là 40.325 triệu đồng.

+ Dự án đường vành đai 1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (dự án nhóm B), dự kiến kế hoạch năm 2024 là 185.000 triệu đồng.

- Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản (02 dự án) gồm:

+ Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hoà (từ cầu Hoá An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu) (dự án nhóm B), dự kiến kế hoạch năm 2024 là 88.000 triệu đồng.

+ Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai bảo vệ thành phố Biên Hoà (đoạn 2 từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía cù lao phổ) (dự án nhóm B), dự kiến kế hoạch năm 2024 là 100.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

3. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024:

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024, cụ thể:

a) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2024 (bao gồm danh mục và phương án phân bổ vốn ngân sách địa phương năm 2024). Trong đó, chỉ đạo rà soát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và báo cáo cụ thể kết quả thực hiện nguồn vốn khai thác đấu giá đất trong giai đoạn 2021-2023. Từ đó, xác định rõ mục tiêu, khả năng huy động và cân đối nguồn vốn (đặc biệt là nguồn vốn khai thác đấu giá đất), thứ tự ưu tiên bố trí vốn và khả năng thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024, các giải pháp cụ thể đảm bảo hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2024.

b) Ban hành quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công cho các chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

c) Ban hành Chỉ thị triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024.

d) Theo dõi quá trình thực hiện, đôn đốc giải ngân, giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền; đồng thời kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành liên quan xem xét, giải quyết đối với những khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền.

e) Thực hiện báo cáo theo quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định hướng dẫn và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan trung ương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khoá X Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 9 năm 2023. / *phuo2*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Thái Bảo



Phụ lục I

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh (theo NQ số 24/NQ- HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh)	Dự kiến kế hoạch năm 2024
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	93.542.384	16.571.194
1	Vốn NSNN	93.542.384	16.571.194
1.1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	79.254.912	11.780.246
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	18.299.100	4.970.246
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	9.500.000	2.500.000
-	Xổ số kiến thiết	7.700.000	1.810.000
-	Bội chi ngân sách địa phương	1.005.400	500.000
-	Nguồn khai thác đấu giá đất (địa phương giao thêm)	41.564.000	2.000.000
-	Nguồn kết dư ngân sách (địa phương giao thêm)	186.412	
-	Ngân sách trung ương thường vượt dự toán thu ngân sách năm 2021	1.000.000	
1.2	Vốn ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương	14.287.472	4.790.948
a)	Vốn trong nước	12.254.872	4.790.948
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực		
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác	9.662.972	4.152.623
-	Hỗ trợ có mục tiêu	2.591.900	638.325
-	Dự án chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		
b)	Vốn nước ngoài	2.032.600	0



Phụ lục I.1

TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Dự kiến kế hoạch năm 2024		
		Tổng số	Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH
	Tổng số (A+B+C)	16.571.194	12.421.894	4.149.300
A	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	11.780.246	7.130.946	4.149.300
I	Vốn ngân sách tập trung	4.970.246	3.062.946	1.907.300
1	Ngân sách tỉnh	3.062.946	3.062.946	
	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu	3.062.946	3.062.946	
2	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	1.907.300		1.907.300
a	Phân cấp cho UBND cấp huyện giao chỉ tiêu	1.807.300		1.807.300
b	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	100.000		100.000
II	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.500.000	3.000.000	1.500.000
1	Hình thành nguồn vốn đầu tư từ nguồn khai thác quỹ đất (ngoài kế hoạch TW thông báo)	2.000.000	2.000.000	
2	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	1.500.000		1.500.000
3	Bổ sung quỹ phát triển nhà và quỹ phát triển đất và hình thành nguồn thu tại tỉnh	1.000.000	1.000.000	
III	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.810.000	1.068.000	742.000
1	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu	868.000	868.000	
2	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa	200.000	200.000	
3	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	50.000		50.000
4	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	692.000		692.000
IV	Bội chi ngân sách địa phương	500.000	500.000	
B	Vốn ngân sách Trung ương	4.790.948	4.790.948	
I	Vốn trong nước (đầu tư theo ngành, lĩnh vực)	4.790.948	4.790.948	
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	4.790.948	4.790.948	
a	Đầu tư dự án quan trọng quốc gia	3.652.623	3.652.623	
b	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	500.000	500.000	
c	Hỗ trợ có mục tiêu	638.325	638.325	



Phụ lục I.2

DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số			3.062.946	2.000.000	868.000	
A	Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp						
I	Giao thông						-
1	Dự án cải tạo đường Hùng Vương – thành phố Long Khánh (ngân sách tỉnh 50%)	LK	254.207				UBND thành phố Long Khánh
2	Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú	TP	91.564				UBND huyện Tân Phú
3	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	783.000				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
4	Xây dựng cầu Vàm Cái Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	388.000				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
5	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	1.289.160				UBND thành phố Biên Hòa
6	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ Nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh	LK	96.497				UBND thành phố Long Khánh
7	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông Cái, đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa	BH	3.247.000				UBND thành phố Biên Hòa
8	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	1.146.000				Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
9	Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	614.000				UBND thành phố Biên Hòa
10	Dự án đường ven Sông Cái từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa	BH	573.905				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
11	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	1.506.539				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
12	Dự án Đường một chiều từ chân đồi lên đỉnh đồi Núi Cúi (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT)	TN	10.435				UBND huyện Thống Nhất
13	Dự án Đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi Tỉnh lộ 763 (ngân sách tỉnh 50%)	ĐQ	96.110				UBND huyện Định Quán

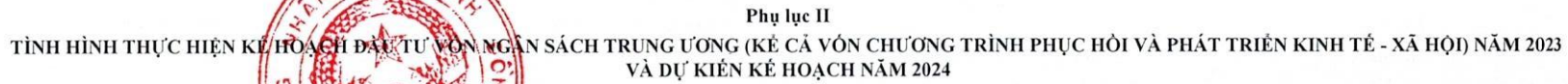
S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
14	Dự án Đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (NST 100% xây lắp)	ĐQ	36.233				UBND huyện Định Quán
15	Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) (NST 100% chi phí xây dựng)	LK	77.600				UBND thành phố Long Khánh
16	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất	TN	59.085				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
17	Dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), thị trấn Trảng Bom (NST 50%)	TB	68.016				UBND huyện Trảng Bom
18	Đường Vành đai thị trấn Định Quán, huyện Định quán	ĐQ	239.000				UBND huyện Định Quán
19	Dự án Nâng cấp đường vào di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Khu ủy miền Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	83.916				Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
20	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp)	BH	88.609				UBND thành phố Biên Hòa
21	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25 C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhơn Trạch (trước đây là Đường 25C huyện Nhơn Trạch, đoạn còn lại)	NT	1.264.000				UBND huyện Nhơn Trạch
22	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	TP	120.938				UBND huyện Tân Phú
23	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST100%)	TP	129.943				UBND huyện Tân Phú
24	Đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	189.220				UBND huyện Cẩm Mỹ
25	Đường ấp 4 xã Sông Nhạn đi xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ	CM	41.963				UBND huyện Cẩm Mỹ
26	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	113.620				UBND thành phố Long Khánh
27	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nhơn Trạch (NST100%)	NT	157.732				UBND huyện Nhơn Trạch
28	Dự án nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ Km0+000 đến Km7+500, huyện Nhơn Trạch	NT	48.672				Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
29	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (NST 50% TMDT)	XL	172.349				UBND huyện Xuân Lộc
30	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST100%	XL	116.110				UBND huyện Xuân Lộc
31	Đường Xuân Thành - Trảng Táo (NST 50% TMDT)	XL	113.353				UBND huyện Xuân Lộc
32	Dự án tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An (đoạn từ nút giao với tuyến đường 319 đến nút giao với tuyến cao tốc Bến Lức - Long Thành), huyện Nhơn Trạch	NT	355.998				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
33	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhơn Trạch (NST100%)	NT	639.039				UBND huyện Nhơn Trạch
34	Đường song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST100%)	TN	198.936				UBND huyện Thống Nhất
35	Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh	LK	1.082.000				UBND thành phố Long Khánh
36	Đường song hành Quốc lộ 1A, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km1830+820 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất	TN	183.000				UBND huyện Thống Nhất

S T T	Danh mục dự án	ĐDD XD	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
37	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST100%)	LT-NT	1.493.042				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
38	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán	ĐQ	145.840				UBND huyện Định Quán
39	Dự án Đường tránh ngã tư Dầu Giây, huyện Thống Nhất (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	99.247				UBND huyện Thống Nhất
40	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (NST 50%)	XL	359.627				UBND huyện Xuân Lộc
41	Đầu tư tuyến đường Xuân Quê đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh (NST100%) (kể cả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng do UBND huyện Cẩm Mỹ và UBND thành phố Long Khánh thực hiện)	CM-LK	462.174				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
42	Dự án Chống ngập đường Đồng Khởi (đoạn từ cầu Đồng Khởi Km3+375 đến ngã 3 Thiết Giáp Km4+750), thành phố Biên Hòa	BH	30.962				UBND thành phố Biên Hòa
43	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	NT	3.868.000				-
	Trong đó						
a)	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai (kể cả hoàn trả vốn ứng trước dự toán năm 2023)						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
b)	Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai		1.268.672				UBND huyện Nhơn Trạch
44	Dự án thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai	BH-LT	6.240.000				-
	Trong đó						-
a)	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu giai đoạn 1, chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh						Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
45	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ) thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	106.157				UBND huyện Trảng Bom
46	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	70.310				UBND thành phố Long Khánh
47	Nâng cấp hạ tầng khu hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	LT	314.732				UBND huyện Long Thành
48	Dự án xây dựng đường Nguyễn Du, thị trấn Tân Phú	TP	128.700				UBND huyện Tân Phú
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						-
1	Dự án Xây dựng mới Nhà khách Tỉnh ủy Đồng Nai	BH	35.980				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện: Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc (vốn NST hỗ trợ 44 tỷ đồng)	TP, ĐQ, VC, XL	77.243				Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
III	Cấp nước, thoát nước						-
1	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	BH	267.620				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	584.830				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Tuyến thoát nước đường số 2 (từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Hương lộ 19), huyện Nhơn Trạch (NST100%)	NT	212.940				UBND huyện Nhơn Trạch
4	Hệ thống thoát nước ấp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	88.822				UBND huyện Trảng Bom
5	Dự án nạo vét và kè 2 bờ suối Reo (kênh thoát nước 5 xã Kiệm Tân), huyện Thống Nhất (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	299.854				UBND huyện Thống Nhất
6	Trạm bơm ấp 5 xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	TP	41.923				UBND huyện Tân Phú
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						-
1	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	454.601				UBND huyện Định Quán
2	Dự án Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch (ngân sách huyện Nhơn Trạch thực hiện bồi thường)	NT	207.315				UBND huyện Nhơn Trạch
3	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù Lao Phố), thành phố Biên Hòa	BH	350.788				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm bơm Đắc Lua	TP	131.058				Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
5	Nạo vét Suối Sắn Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	376.999				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú	TP	134.445				Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
7	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom	TB	59.770				Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
8	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B, xã lộ 25, huyện Thống Nhất	TN	50.554				UBND huyện Thống Nhất
V	An ninh và trật tự, an toàn xã hội						-
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	654.000				Công an tỉnh Đồng Nai
2	Dự án đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021-2025 (thực hiện thẩm định giá thiết bị, kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐN	988.000				Công an tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng 05 kho vật chứng cho Công an tỉnh Đồng Nai (gồm các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh và Phòng PC10)	ĐN	29.416				Công an tỉnh Đồng Nai
VI	Môi trường		174.784				-

S T T	Danh mục dự án	ĐDDX	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát	BH	73.641				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án Gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TP	62677				Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
VII	Quốc phòng						-
1	Dự án Xây dựng bổ sung một số công trình của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	221.102				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
VIII	Y tế, dân số và gia đình						
1	Trạm Y tế phường An Hòa - Tp. Biên Hòa	BH	6.688				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	92.447				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Cải tạo, sửa chữa 03 Trạm Y tế tại xã Phú Ngọc, xã Túc Trưng, xã Gia Canh huyện Định Quán	ĐQ	9.998				UBND huyện Định Quán
4	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Tâm huyện Xuân Lộc	XL	928				UBND huyện Xuân Lộc
5	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Hưng huyện Xuân Lộc	XL	885				UBND huyện Xuân Lộc
6	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Thọ huyện Xuân Lộc	XL	1.043				UBND huyện Xuân Lộc
7	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Thành huyện Xuân Lộc	XL	999				UBND huyện Xuân Lộc
8	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Phú huyện Xuân Lộc	XL	1.000				UBND huyện Xuân Lộc
9	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Hòa huyện Xuân Lộc	XL	815				UBND huyện Xuân Lộc
10	Xây dựng mới Trạm y tế xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ	CM	14.200				UBND huyện Cẩm Mỹ
11	Xây dựng mới Trạm y tế xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	13.900				UBND huyện Cẩm Mỹ
12	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ	CM	14.900				UBND huyện Cẩm Mỹ
13	Cải tạo, sửa chữa 04 Trạm y tế tại phường Xuân An, phường Xuân Thanh, phường Xuân Bình, phường Phú Bình thành phố Long Khánh	LK	12.840				UBND thành phố Long Khánh
14	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Suối Tre thành phố Long Khánh	LK	10.580				UBND thành phố Long Khánh
15	Cải tạo 04 Trạm y tế tại xã Phú Đông, xã Phú Hội, xã Phú Thạnh, xã Vĩnh Thanh huyện Nhơn Trạch	NT	10.900				UBND huyện Nhơn Trạch
16	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Sơn huyện Tân Phú	TP	9.800				UBND huyện Tân Phú
IX	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						
1	Dự án đầu tư xây dựng mới Hội trường biểu diễn kết hợp khối 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn - Trường Trung cấp Nghệ thuật Đồng Nai (thay thế cho dự án sửa chữa, cải tạo Ký túc xá (cũ) thành 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn, làm mới sân, đường, điện tổng thể Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Đồng Nai)	BH	36.360				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn quốc gia	TB	152.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐDD	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Sửa chữa, cải tạo, di dời một số hạng mục của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	BH	14.985				Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai
X	Văn hóa - xã hội						
1	Sửa chữa, làm mới một số hạng mục tập luyện thuộc Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	BH	14.156				Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
2	Di dời, bố trí ổn định dân cư khu vực Đồng 4, ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu	VC	149.274				UBND huyện Vĩnh Cửu
XI	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai						Liên minh Hợp tác xã tỉnh
XII	Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch						-
B	Bố trí vốn khôi phục mới cho các dự án khi hoàn thiện thủ tục đầu tư						
1	Dự án khu tái định cư thị trấn Dầu Giây huyện Thống Nhất	TN	564.052				Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
2	Hạ tầng Khu tái định cư 49,32ha phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa	BH	2.847.170				Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
3	Khu tái định cư tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa	BH	717.500				Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
4	Dự án VI	ĐN	436.700				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
5	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành	XL-CM-LT	4.311.410				Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
6	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ĐT.770B huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh	ĐQ-TN-CM-LT-LK	3.358.820				Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
7	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 huyện Thống Nhất và Long Thành	TN-LT	3.454.600				Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
8	Dự án phần mềm quản lý đầu tư công và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	BH	17.446				Sở Kế hoạch và Đầu tư
	Các dự án lĩnh vực y tế, chuyển đổi số và lĩnh vực khác khi hoàn thiện thủ tục đầu tư						
C	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư						



Đơn vị tính: Triệu đồng.

[illegible]

ST T	Danh mục dự án	Tổng mức vốn đầu tư (điều chỉnh mới nhất)	Thời gian khởi công hoàn thành	Năm đầu tiên bố trí vốn thực hiện dự án	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch giao hằng năm			Kế hoạch kéo dài		Giải ngân kế hoạch hằng năm					Giải ngân Kế hoạch kéo dài		Dự kiến kế hoạch 2024
						2021	2022	2023	2021 kéo dài	2022 kéo dài	2021	2022	2023 đến 30/6/2023	Ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến 30/9/2023	Ước giải ngân kế hoạch năm 2023 đến 31/01/2024	2021 kéo dài	2022 kéo dài	
1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
I	Xây dựng Kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	614.100	2021-2024	2.021	400.000	40.000	86.279	100.000			40.000	86.279	56.258	80.000	100.000			88.000
III	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																	
2	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù lao Phố) thành phố Biên Hòa (nguồn vốn ngân sách tỉnh cho công tác bồi thường)	350.788	2022-2025	2.022	235.550	0	60.000	10.000	0	54.358	0	5.641	0	0	10.000	0	54.358	100.000